

Số: *Tu Mơ Rông, ngày tháng năm*

## **BÁO CÁO**

### **Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực 9 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ công tác 3 tháng cuối năm 2023 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông**

Thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20/11/2018; Thực hiện Thông tư số 02/2021/TT-TTCP ngày 22/3/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng;

UBND huyện Tu Mơ Rông báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực 9 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực 3 tháng cuối năm 2023, cụ thể như sau:

#### **I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

**1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng**

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng

UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành và UBND các xã tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Đảng (*khóa X*) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng lãng phí. Tăng cường kỷ luật, siết chặt kỷ cương hành chính trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; đề ra các giải pháp cụ thể, có trọng tâm trọng điểm, phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị góp phần giữ vững ổn định chính trị, thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển, củng cố lòng tin của nhân dân. Trên cơ sở các Văn bản của UBND tỉnh, UBND huyện đã lồng ghép tại các cuộc họp giao ban của huyện để quán triệt, tuyên truyền đến cán bộ, công chức. Đồng thời, triển khai thực hiện xây dựng các Kế hoạch, văn bản<sup>1</sup> liên quan chỉ đạo điều hành trong công tác PCTN, tiêu cực năm 2023.

b) Công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng và các nhiệm vụ; chương trình công tác của

<sup>1</sup> Công văn số 333/UBND-TTr, ngày 18/02/2022 của UBND huyện về việc thực hiện công khai minh bạch theo quy định; Công văn số 103/UBND-TTr, ngày 16/01/2023 của UBND huyện về việc thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023; Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 14/02/2023 của UBND huyện về việc thực hiện kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2023 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 10/3/2023 của UBND huyện về việc triển khai công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Chính phủ.

## Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng

Chỉ đạo triển khai đồng bộ, sâu rộng, chặt chẽ trong công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị để công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đi vào chiều sâu bằng nhiều hình thức cụ thể, gắn với việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) “*về tăng cường xây dựng chính đản Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ*”.

c) Việc tổng kết, đánh giá, rà soát và lập danh mục những quy định pháp luật còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, qua đó tự mình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp: Ủy ban nhân dân huyện tích cực tham gia đóng góp ý kiến đầy đủ theo yêu cầu của cấp trên và các cơ quan liên quan về sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật.

d) Tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng:

Thanh tra huyện là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, là đơn vị đầu mối, tham mưu, giúp việc cho Ủy ban nhân dân huyện công tác quản lý nhà nước về Phòng chống, tham nhũng.

đ) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng thông qua đài truyền thanh, truyền hình, trang thông tin điện tử, mạng nội bộ... dưới dạng tin, bài, giới thiệu văn bản, nghiên cứu trao đổi với nội dung ý nghĩa, sinh động, thiết thực.

## **2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị**

a) Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động:

Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp, UBND các xã nghiêm túc, tiếp tục thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của đơn vị mình theo quy định (*tại Công văn số 333/UBND-TTr, ngày 18/02/2022 của UBND huyện*). Tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và UBND các xã nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong việc thực hiện rà soát, sửa đổi, hoàn thiện các quy định, định mức, quy chế chi tiêu nội bộ để thực hiện tốt công tác phòng ngừa tham nhũng.

b) Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; căn cứ quy định chế độ, định mức, tiêu chuẩn cấp trên ban hành các cơ quan, đơn vị đã ban hành kế hoạch chi tiêu nội bộ cho đơn vị mình phù hợp với quy định.

c) Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn:

- Việc xây dựng quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn: Lồng ghép vào trong các hội nghị, cuộc họp để phổ biến đến các cơ quan và đơn vị, UBND các xã quán triệt và giám sát trong thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản của Trung ương, tỉnh, huyện có liên quan<sup>2</sup>; quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức trong nhiệm vụ được giao, trong quan hệ xã hội, bao gồm những việc CBCC phải làm và những việc không được làm; các chuẩn mực xử sự của CBCC trong thi hành nhiệm vụ, công vụ không gây những phiền nhiễu, gây khó khăn cho nhân dân khi đến liên hệ, giao dịch công việc. Qua thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn chưa phát hiện có trường hợp CBCCVC nào vi phạm, đề đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật.

- Việc kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính: Tiếp tục thực hiện Công văn số 674/UBND-NV, ngày 29/4/2021 về việc tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn huyện<sup>3</sup>;

Nhìn chung, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị luôn chỉ đạo, theo dõi và đôn đốc đội ngũ CBCCVC tại đơn vị tuân thủ nghiêm túc nội quy, quy chế, giờ giấc làm việc, hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ được giao.

d) Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn

- UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-UBND, ngày 06/01/2023, Kế hoạch thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp và Ủy ban nhân dân các xã năm 2023. Trong 9 tháng đầu năm đã thực hiện chuyển đổi vị trí<sup>4</sup> công tác đối với 05 công chức cấp xã (*Tài chính kế toán: 02 công chức, Tư pháp-hộ tịch: 03 công chức*).

đ) Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt

- Ban hành xây dựng các Kế hoạch, văn bản<sup>5</sup> liên quan chỉ đạo điều hành

<sup>2</sup> Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV, ngày 26/02/2007 của Bộ Nội vụ về Quy tắc ứng xử của CBCCVC làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương; Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg, ngày 02/8/2007 của Chính phủ ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước; Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND, ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Kon Tum; Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND, ngày 15/2019/QĐ-UBND, ngày 17/10/2019 của UBND tỉnh Kon Tum sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND, ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 93/KH-UBND, ngày 01/7/2019 của UBND huyện triển khai thực hiện Quyết định số 1847/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án văn hóa công vụ trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông; Kế hoạch số 106/KH-UBND, ngày 20/8/2019 của UBND huyện tổ chức thực hiện phong trào thi đua "Cán bộ, công chức, viên chức huyện Tu Mơ Rông thi đua thực hiện văn hóa công sở" giai đoạn 2019-2025.

<sup>3</sup> Công văn số 48/PNV, ngày 17/01/2023 về việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trước, trong và sau Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023.

<sup>4</sup> Gồm các vị trí: Tài chính kế toán; Địa chính-xây dựng-nông nghiệp; Tư pháp-hộ tịch.

<sup>5</sup> Công văn số 168/UBND-NV, ngày 02/02/2023 của UBND huyện về việc triển khai phong trào thi đua đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn huyện giai đoạn 2023-2030; Quyết định số 47/QĐ-UBND, ngày 10/02/2023 của UBND huyện về việc phê duyệt kết quả chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của UBND các xã

thực hiện công tác CCHC nhà nước trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông năm 2023.

- 100% chế độ tiền lương và các chế độ chính sách khác của cán bộ, công chức trong đơn vị được chi trả qua tài khoản, thanh toán không dùng tiền mặt.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và UBND các xã thực hiện nghiêm túc công khai thủ tục hành chính tại cơ quan và trụ sở làm việc. Qua đó 100% các cơ quan, đơn vị và UBND các xã chấp hành nghiêm túc sự chỉ đạo của UBND huyện. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã đã hướng dẫn tận tình khi các tổ chức, cá nhân đến giải quyết công việc, giảm bớt cho người dân các thủ tục rườm rà không cần thiết. Khi giải quyết hồ sơ CBCC viết phiếu hẹn và trả kết quả cho người dân, mọi lệ phí khi giải quyết đều có biên lai.

- Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến<sup>6</sup>: Hiện nay các cơ quan, đơn vị đang thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 theo danh mục được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đảm bảo cung cấp các dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công của tỉnh.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý: 100% các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện đang duy trì khai thác và sử dụng phần mềm quản lý văn bản, việc xử lý văn bản trên hệ điều hành VNPT iOffice thực hiện đồng bộ và có hiệu quả. 100% các đơn vị đã thực hiện áp dụng chữ ký số gửi và nhận văn bản điện tử. Triển khai, thực hiện gửi và nhận văn bản điện tử qua hệ thống thư điện tử công vụ của CBCCVC, 100 % CBCCVC đã được cấp tài khoản hộp thư điện tử công vụ và thực hiện sử dụng có hiệu quả.

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Chỉ đạo nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp theo quy định; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện chế độ trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị; không ngừng đổi mới phương thức quản lý, chỉ đạo, điều hành, nâng cao hiệu quả giải quyết các công việc giữa các cơ quan, đơn vị và UBND các xã. Đẩy mạnh ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan, đơn vị trên môi trường số; tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, giảm giấy tờ.

---

trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 29/KH-UBND, ngày 12/02/2023 của UBND huyện về việc phát động phong trào thi đua đẩy mạnh công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông giai đoạn 2023-2030; Kế hoạch số 34/KH-UBND, ngày 20/02/2023 của UBND huyện về việc tuyên truyền công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 40/KH-UBND, ngày 27/02/2023 của UBND huyện về việc khắc phục các hạn chế, khuyết điểm trong cải thiện, nâng cao chỉ số cải cách hành chính năm 2022; Công văn số 385/UBND-NV, ngày 07/3/2023 của UBND huyện về việc triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm về cải cách hành chính trên địa bàn huyện.

<sup>6</sup> Công văn số 235/UBND-VP, ngày 14/02/2023 của UBND huyện về việc thực hiện các chỉ tiêu số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính năm 2023.

e) Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn:

- Tiếp tục thực hiện Nghị định số 130/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. UBND huyện đã triển khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập và công khai bản kê khai tài sản thu nhập đối với người có nghĩa vụ kê khai.

- Kê khai tài sản thực hiện theo Kế hoạch số 27/KH-UBND, ngày 14/02/2023 của UBND huyện về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2023. Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ: 23 người (Trong đó: Công tác cán bộ 05 người (Bổ nhiệm 03 người; Bổ nhiệm lại 02 người), cán bộ công chức mới được tuyển dụng 18 người) theo quy định.

### **3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị**

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý: *Không có.*

b) Kết quả công tác thanh tra, kiểm toán và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán: *Không có.*

c) Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo: *Không có.*

d) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác (nếu có): *Không có.*

đ) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương: *Không có.*

e) Kết quả xử lý tài sản tham nhũng: *Không có.*

f) Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu: *Không có.*

**4. Kết quả phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước:** *Không có.*

## **II. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

1. Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương:

Nhìn chung công tác PCTN được công khai, minh bạch bằng nhiều hình thức, đã tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, nhân dân giám sát và tham gia quản lý. Tuy nhiên, việc nắm bắt thông tin về quản lý Nhà nước đối với công tác PCTN còn hạn chế nhất định.

2. So sánh hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng kỳ này với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước: Chưa phát hiện vụ việc tham nhũng nào xảy ra trong 9 tháng đầu năm, không tăng, giảm so với cùng kỳ năm trước.

3. Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng:

Tình hình tham nhũng tiếp tục được quan tâm và chuyển biến tích cực, chính quyền các cấp, cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm nâng cao ý thức, tinh thần, trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn huyện.

4. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng

- Khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế:

+ Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về công tác PCTN của các đơn vị, địa phương chưa thường xuyên, liên tục, hình thức chưa phong phú, phù hợp.

+ Hoạt động của Ban thanh tra nhân dân hiệu quả chưa cao

- Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế:

+ Trình độ năng lực của một bộ phận đội ngũ cán bộ công chức phụ trách còn yếu và hạn chế về năng lực.

+ Kỹ năng tuyên truyền của một số tuyên truyền viên pháp luật tại một số đơn vị, địa phương còn hạn chế.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

#### **1. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp**

a) Phương hướng chung trong thời gian tới:

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Thông báo số 143-TB/BCĐTW, ngày 14/1/2016 của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng (*thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng tại phiên họp thứ 9 của Ban Chỉ đạo*); Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) “*về tăng cường xây dựng chính đản Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa trong nội bộ”*”; Kế hoạch số 263/KH-UBND, ngày 31/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 10/3/2023 của UBND huyện về việc triển khai công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Chính phủ.

- Tăng cường phổ biến, quán triệt cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động Chiến lược quốc gia PCTN; Triển khai chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN.

- Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức trong công tác thực hành, tiết kiệm, chống lãng phí gắn với đẩy mạnh cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị luôn nói không với tham nhũng, lãng

phí.

- Đẩy mạnh việc rà soát, sửa đổi, bổ sung những nội dung chưa phù hợp trong cơ chế, chính sách nhằm phòng ngừa và phát hiện tham nhũng, lãng phí; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm ngăn ngừa và phát hiện kịp thời các hành vi tham nhũng, lãng phí trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

- Giao Thanh tra huyện tiếp tục phối hợp, đôn đốc kiểm tra việc kiểm điểm, xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thông qua kết luận thanh tra, kiểm tra; phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng trên các lĩnh vực như: quản lý các dự án, đầu tư XDCB, mua sắm trang thiết bị, dụng cụ, các chính sách hỗ trợ nhân dân.

- Đảm bảo thông suốt trong công tác thông tin, báo cáo hai chiều góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn trong thời gian tiếp theo.

b) Những nhiệm vụ cụ thể phải thực hiện:

- Tiếp tục quán triệt sâu và triển khai thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị, kết luận của Trung ương và kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Huyện ủy về PCTN, trước hết là trong cấp ủy, lãnh đạo chính quyền, trong các cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan tổ tụng để công tác phát hiện và xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng thật sự trở thành khâu đột phá trong công tác PCTN.

- Phát huy vai trò trách nhiệm, tính gương mẫu của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác PCTN, tiêu cực.

- Từng cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động đề ra các biện pháp phòng, ngừa tham nhũng, lãng phí thiết thực, hiệu quả. Chủ động phòng ngừa, phát hiện, xử lý các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí và các hành vi bao che, cản trở việc chống tham nhũng, lãng phí; chủ động, yêu cầu các cơ quan chức năng báo cáo các vụ việc, vụ án nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm để kịp thời chỉ đạo xử lý.

- Siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính; phát huy dân chủ trong từng cơ quan, đơn vị; thực hiện công khai, minh bạch trong các hoạt động; xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng, nhũng nhiễu, tiêu cực và trách nhiệm của người đứng đầu để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị mình phụ trách, quản lý.

c) Giải pháp để thực hiện nhiệm vụ và khắc phục những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế:

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, chính quyền và cơ quan dân cử; thường xuyên thực hiện công tác tự kiểm tra, giám sát nội bộ từng cơ quan, đơn vị. Phát huy tốt hơn vai trò của các cơ quan báo chí trong việc phát hiện, tố giác các hành vi tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án

tham nhũng. Công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng kết quả phát hiện, xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng, các vi phạm trong công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng và kết quả xử lý những vi phạm đó.

**2. Kiến nghị, đề xuất:** Thường xuyên mở các lớp hội nghị, tập huấn bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ về công tác phòng, chống tham nhũng cho đội ngũ cán bộ phụ trách công tác phòng chống tham nhũng tại địa phương nhằm củng cố, cập nhật các kỹ năng đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực 9 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực 3 tháng cuối năm 2023 của UBND huyện Tu Mơ Rông./.

***Nơi nhận:***

- Thanh tra tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Thanh tra huyện;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VP, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Võ Trung Mạnh**



**TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**  
Số liệu tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/9/2023

| MS | NỘI DUNG  | ĐVT        | SỐ LIỆU |
|----|---|------------|---------|
|    | <b>CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT</b>  |            |         |
| 1  | Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN                            | Văn bản    | 0       |
| 2  | Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành                             | Văn bản    | 0       |
| 3  | Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành                                       | Văn bản    | 0       |
|    | <b>TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN</b>   |            | 0       |
| 4  | Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức                                     | Lớp        | 0       |
| 5  | Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN                | Lượt người | 0       |
| 6  | Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản  | Tài liệu   | 0       |
|    | <b>PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ</b>   |            |         |
|    | <i>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động</i>   |            |         |
| 7  | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động | CQ, TC, ĐV | 0       |
| 8  | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động          | CQ, TC, ĐV | 0       |
|    | <i>Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i>   |            |         |
| 9  | Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban  | Văn bản    |         |

|    |  |            |   |
|----|--|------------|---|
|    | hành mới   |            |   |
| 10 | Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ  | Văn bản    |   |
| 11 | Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ  | Cuộc       | 0 |
| 12 | Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ   | Vụ         | 0 |
| 13 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ  | Người      | 0 |
| 14 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính   | Người      | 0 |
| 15 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự  | Người      | 0 |
| 16 | Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |
| 17 | Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường  | Triệu đồng | 0 |
|    | <b><i>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</i></b>   |            | 0 |
| 18 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn   | CQ, TC, ĐV | 0 |
| 19 | Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý  | Người      | 0 |
| 20 | Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị  | Người      | 0 |
| 21 | Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)  | Triệu đồng | 0 |
| 22 | Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích  | Người      | 0 |
| 23 | Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ   | Người      | 0 |

|      |  |              |    |
|------|--|--------------|----|
|      | <b><i>Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn</i></b>   |              |    |
| 24   | Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng                                   | Người        | 5  |
|      | <b><i>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</i></b>               |              |    |
| 25   | Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại Cơ quan, tổ chức, đơn vị   | Thủ tục      |    |
| 26   | Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị                                   | Thủ tục      |    |
| 27   | Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên  | Lượt thủ tục |    |
| 28   | Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt  | Cuộc         | 0  |
| 29   | Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt  | Vụ           | 0  |
| 30   | Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)  | Triệu đồng   |    |
| 31   | Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)   | %            |    |
|      | <b><i>Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn</i></b>                          |              |    |
| 32   | Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ   | Người        | 23 |
| 33   | Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập  | Người        | 0  |
| 34   | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập | CQ, TC, ĐV   | 0  |
| 35   | Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập   | Người        | 0  |
| 35.1 | Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực  | Người        | 0  |

|   |  |       |   |
|---|--|-------|---|
| 35.2  | Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập  | Người | 0 |
| <b>PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ</b>          |  |       |   |
| 36  | Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo   | Vụ    | 0 |
| 37  | Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo  | Người | 0 |
| <b><i>Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i></b> |  |       |   |
| 38  | Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước  | Vụ    | 0 |
| 39  | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước   | Người | 0 |
| 40  | Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra   | Vụ    | 0 |
| 41  | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra   | Người | 0 |
| 42  | Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng                   | Vụ    | 0 |
|   | <i>- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>                            | vụ    | 0 |
| 43  | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng | Người | 0 |
|   | <i>- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>          | người | 0 |
| <b><i>Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán</i></b>                      |  |       |   |
| 44  | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cư, đại biểu dân cư và xử lý đề                                 | Vụ    | 0 |

|    |   |         |   |
|----|---|---------|---|
|    | ngộ của cơ quan dân cư, đại biểu dân cử   |         |   |
| 45 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử | Người   | 0 |
| 46 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra   | Vụ      | 0 |
| 47 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra   | Người   | 0 |
| 48 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán   | Vụ      | 0 |
| 49 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán   | Người   | 0 |
|    | <b><i>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng</i></b>   |         |   |
| 50 | Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng   | Vụ việc | 0 |
| 51 | Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét   | Vụ việc | 0 |
| 52 | Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng   | Vụ      | 0 |
| 53 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng   | người   | 0 |
|    | <b><i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i></b>   |         |   |
| 54 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo  | Vụ      | 0 |
| 55 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo   | Người   | 0 |
|    | <b><i>Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)</i></b>   |         |   |
| 56 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác  | Vụ      | 0 |

|      |   |       |   |
|------|---|-------|---|
| 57   | Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác   | Người | 0 |
|      | <b><i>Qua điều tra tội phạm</i></b>   |       |   |
| 58   | Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố                                   | Vụ    | 0 |
| 59   | Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố                                 | Người | 0 |
|      | <b><i>Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i></b>  |       |   |
| 60   | Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo                       | Người | 0 |
| 61   | Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù   | Người | 0 |
| 62   | Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo   | Người | 0 |
| 63   | Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng   | Người | 0 |
|      | <b>XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỀ XÃY RA THAM NHƯNG</b>                   |       | 0 |
| 64   | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng         | Người |   |
| 65   | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng | Người |   |
| 66   | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng            | Người |   |
| 66.1 | - <i>Khiển trách</i>  | Người |   |
| 66.2 | - <i>Cảnh cáo</i>   | Người |   |
| 66.3 | - <i>Cách chức</i>  | Người |   |
|      | <b>XỬ LÝ THAM NHƯNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ</b>  |       | 0 |

|      |  |                |   |
|------|--|----------------|---|
| 67   | Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)        | Vụ             |   |
| 68   | Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó: | Người          |   |
| 68.1 | - Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng   | Người          |   |
| 68.2 | - Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng  | Người          |   |
| 68.3 | - Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng  | Người          |   |
| 68.4 | - Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng   | Người          |   |
| 69   | Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính   | Vụ             |   |
| 70   | Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng  | Người          |   |
| 71   | Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)  | Vụ             |   |
| 72   | Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)  | Người          |   |
|      | <b>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được</b>  |                | 0 |
| 73   | Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)   | Triệu đồng     |   |
| 74   | Đất đai  | m <sup>2</sup> |   |
|      | <b>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường</b>   |                | 0 |
| 75   | Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)   | Triệu đồng     |   |
| 75.1 | - Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính   | Triệu          |   |

|      |  |                |   |
|------|--|----------------|---|
| 75.2 | - <i>Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp</i>   | Triệu          |   |
| 76   | Đất đai  | m <sup>2</sup> |   |
| 76.1 | - <i>Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính</i>   | m <sup>2</sup> |   |
| 76.2 | - <i>Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp</i>  | m <sup>2</sup> |   |
|      | <i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được</i>   |                |   |
| 77   | Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)   | Triệu đồng     |   |
| 78   | Đất đai  | m <sup>2</sup> |   |
|      | <b>PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC</b>  |                | 0 |
| 79   | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý  | Tổ chức        |   |
| 80   | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN        | Tổ chức        |   |
| 81   | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN                         | Tổ chức        |   |
| 82   | Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện   | Vụ             |   |
| 83   | Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện   | Người          |   |
| 84   | Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự  | Người          |   |
| 85   | Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng     |   |



|    |  |            |  |
|----|--|------------|--|
| 86 | Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng |  |
|----|--|------------|--|

**PHỤ LỤC****Bổ sung một số nội dung báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng**

| <b>TT</b> | <b>NỘI DUNG</b>   | <b>ĐVT</b> | <b>SỐ LIỆU</b> | <b>CỤ THỂ NỘI DUNG</b>  |
|-----------|---|------------|----------------|---|
| 1         | Số cuộc giám sát, kiểm tra, đôn đốc về PCTN, trong đó:  | Cuộc       | 0              |   |
|           | - Số cuộc kiểm tra, giám sát, đôn đốc về PCTN trong nội bộ cơ quan  | Cuộc       |                |   |
|           | - Số cuộc kiểm tra, giám sát, đôn đốc về PCTN của cơ quan chức năng   | Cuộc       |                |   |
| 2         | Số vụ việc nghiêm trọng, phức tạp về PCTN được chỉ đạo xử lý  | Vụ         | 0              |   |
| 3         | Số văn bản về PCTN hoặc có liên quan đến PCTN đã xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành                 | Văn bản    | 03             | Công văn số 103/UBND-TTr, ngày 16/01/2023 của UBND huyện về việc thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023; Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 14/02/2023 của UBND huyện về việc thực hiện kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2023 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 10/3/2023 của UBND huyện về việc triển khai công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Chính phủ. |
| 4         | Số kiến nghị khắc phục sơ hở, bất cập trong chính sách, pháp luật và trong tổ chức thực hiện để PCTN            | Kiến nghị  | 0              |   |
| 5         | Số bản kê khai tài sản, thu nhập đã được công khai  | Bản        | 23             |   |
| 6         | Số người bị kết luận kê khai tài sản, thu nhập không trung thực   | Người      | 0              |   |
| 7         | Số cơ quan, đơn vị vi phạm quy định về tặng quà và nhận quà tặng  | Đơn vị     | 0              |   |
| 8         | Số người vi phạm quy định về tặng quà và nhận quà tặng  | Người      | 0              |   |
| 9         | Số người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao do có xung đột lợi ích            | Người      | 0              |   |
| 10        | Số người bị chuyển sang vị trí công tác khác do có xung đột lợi ích trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao | Người      | 0              |   |
| 11        | Số Vụ/người tham nhũng bị phát hiện qua kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng  | Vụ/người   | 0              |   |
| 12        | Số vụ/người tham nhũng bị xử lý kỷ luật   | Vụ/người   | 0              |   |